TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1495/2023/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 08 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1985/2023/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Minh C,** sinh năm 1988; Địa chỉ: A, tổ B, khu A, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1990; Địa chỉ: A, tổ B, khu A, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2011 ngày 10/5/2011.

Nay ông C và bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn M, sinh ngày 06/12/2011 và cháu Nguyễn B, sinh ngày 06/3/2016. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn M cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn B cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng nuôi con là cháu B mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9.2023 đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà H và ông C phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có

đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn M, sinh ngày 06/12/2011 cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 06/3/2016 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng nuôi con là cháu Nguyễn B mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Lê Hồng P và ông Vũ Đức T không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh C và Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh C chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008707 ngày 23/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H, ông C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt